TÒA ÁN NHÂN DÂNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VĨNH LONGĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 170/2024/DS-PT
Ngày: 12 - 8 -2024
"V/v tranh chấp hợp đồng ủy quyền;
Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Triệu Hữu**
Các Thẩm phán: Ông **Đặng Văn Lộc**
Bà **Phạm Thị Hồng Hà**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Nguyễn Văn Chiếm** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:*** ông **Đỗ Văn Minh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng ủy quyền; Hợp đồng vay tài sản*"

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2024/DS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2024/QĐ - PT ngày 27 tháng 5 năm 2024 và các quyết định hoãn phiên tòa số 192/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 227/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thanh L**, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số H, khóm C, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long: vắng mặt

Người đại diện hợp pháp: Anh **Trần Hồ N**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, là người đại diện theo ủy quyền (Theo Văn bản ủy quyền ngày 11/9/2023): có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long: có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. *Người kháng cáo*: Bị đơn Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 09/5/2023, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 11/9/2023 nguyên đơn chị Nguyễn Thanh L có người đại diện theo ủy quyền là anh Trần Hồ N trình bày:

Do quen biết nhau từ trước nên chị L có cho anh T vay số tiền 350.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, chia làm 02 lần. Lần 01 vào ngày 10/12/2021, chị L đưa cho anh T số tiền 250.000.000 đồng nhưng không làm hợp đồng vay mà hai bên đến Phòng C ký hợp đồng ủy quyền với nội dung là anh T giao cho chị L toàn quyền sử dụng và định đoạt đối với thửa đất số 397, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.880m^2, loại đất thổ quả; tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 916981, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số 21736 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 10/10/1995, anh Nguyễn Văn T được chỉnh lý đứng tên mặt 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/5/2012; lần 02 vào ngày 17/12/2021, chị L đưa cho anh T số tiền còn lại là 100.000.000 đồng. Cả 02 lần giao tiền phía anh T đều có viết biên nhận cho chị L.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng phía anh T có trả lãi cho chị L số tiền 10.000.000 đồng bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản của chị L, sau đó phía anh T không thực hiện nghĩa vụ như cam kết mặc dù chị L đã nhiều lần nhắc nhở. Chị L có đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L để làm thủ tục sang tên thửa đất số 397, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.880m^2, loại đất thổ quả theo hợp đồng ủy quyền 02 bên đã ký thì phía anh T không đồng ý, ngăn cản và thách thức nên chị không thực hiện được.

Nay chị Nguyễn Thanh L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Vô hiệu hợp đồng ủy quyền ngày 10/12/2021 tại Văn phòng C1 giữa chị L với anh T. Buộc anh T có trách nhiệm trả lại cho chị L số tiền đã vay là 350.000.000 đồng và tiền lãi suất theo mức lãi suất là 1,66%/tháng tính từ 17/12/2021 đến ngày 11/9/2023 tạm tính số tiền là 120.847.984 đồng, tổng nợ gốc và lãi là 470.847.984 đồng.

- Tại đơn phản tố ngày 08/8/2023, B khai ý kiến ngày 11/9/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn T và người đại diện hợp pháp trình bày:

Anh T thừa nhận vào ngày 10/12/2021, anh T với chị L có đến Văn phòng C1 ký hợp đồng ủy quyền với nội dung như nguyên đơn trình bày. Khi ký hợp đồng ủy quyền anh T có giao cho chị L bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất thửa đất số 397, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.880m^2, loại đất thổ quả; tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Nay anh T đồng ý chấm dứt hợp đồng ủy quyền ngày 10/12/2021 tại Văn phòng C1 theo yêu cầu của chị L nhưng anh T không đồng ý trả cho chị L số tiền 350.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo yêu cầu của chị L vì anh T cho rằng hợp đồng ủy quyền giữa anh và chị T là hợp đồng không có thù lao, anh không có nhận tiền của chị L. Anh T có yêu cầu phản tố buộc chị L trả lại cho anh T Giấy chứngquyền sử dụng đất số E 916981 vào sổ cấp Giấy chứng nhận số 21736 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 10/10/1995 đối với thửa đất số 397, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.880m^2, loại đất thổ quả; tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long mà anh T đã giao cho chị L.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh T có nghĩa vụ trả cho chị L số tiền nợ vay tính đến ngày 01/3/2024 số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng, nợ lãi tính theo mức lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày 17/12/2021 đến ngày 01/3/2024 là 76.853.000 đồng, tổng nợ gốc và lãi là 426.853.000 đồng (đã nhận được 10.000.000đ tiền lãi), nguyên đơn đồng ý vô hiệu hợp đồng ủy quyền ngày 10/12/2021 giữa chị L với anh T, khi nào anh T trả xong nợ cho chị L thì chị L đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T và người đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Văn N1 vắng mặt không lý do tại phiên xét xử dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2024/DS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2024,Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đã tuyên xử:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, Điều 92, Điều 147, Điều 217, 218, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; Áp dụng các Điều 122, 131, 317, 319, 463, 466, 468, 562 Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ Điều 4, Điều 5 Nghị định 102/2017/NĐ-CP, ngày 01/9/2017 về đăng ký biện pháp bảo đảm; Căn cứ Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thanh L.

1. Buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thanh L số tiền vay là 416.853.000 đồng (tiền gốc 350.000.000 đồng, tiền lãi là 66.853.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Vô hiệu hợp đồng ủy quyền được ký ngày 10/12/2021 giữa chị Nguyễn Thanh L và anh Nguyễn Văn T được lập tại Văn phòng C1.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn anh Nguyễn Văn T.

3. Buộc chị Nguyễn Thanh L có trách nhiệm trả lại cho anh T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 916981, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số 21736 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 10/10/1995 đối với thửa đất số 397, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.880m^2, loại đất thổ quả; tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long do anh Nguyễn Văn T đứng tên chỉnh lý mặt 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Về án phí:

Bị đơn anh Nguyễn Văn T phải nộp 20.974.120 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005277 ngày 05/9/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ sẽ được sung vào công quỹ Nhà nước. Anh T còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 20.974.120 đồng tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thanh L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.575.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005014 ngày 11/5/2023, biên lai số 0005288 ngày 12/9/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, bị đơn là anh Nguyễn Văn T kháng cáo với nội dung: bị đơn anh Nguyễn Văn T không đồng ý trả tiền vay cho nguyên đơn chị Nguyễn Thanh L số tiền vốn là 350.000.000 đồng và tiền lãi là 66.853.000 đồng, lý do bị đơn anh T không vay của nguyên đơn chị L không có ký tên lăng tay trong biên nhận, yêu cầu giám định dấu vân tay trên biên nhận.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin được xét xử vắng mặt đề ngày 12 tháng 8 năm 2024. Bị đơn có đơn đề ngày 15 tháng 7 năm 2024 xin vắng mặt tại các phiên tòa dân sự phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn T còn trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí theo quy định nên được xem xét, giải quyết theo trình tự, thủ tục phúc thẩm quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn không có kháng cáo do người đại diện hợp pháp có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn có kháng cáo xin được vắng mặt tại các phiên tòa dân sự phúc thẩm. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn về việc không đồng ý trả tiền vay và tiền lãi theo quyết định của bản án sơ thẩm. Đồng thời có yêu cầu giám định lại chữ ký và dấu vân tay trong biên nhận ngày 10/12 và 17/12/2021.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong giai đoạn sơ thẩm, bị đơn và người đại diện hợp pháp không có ý kiến phản đối về chữ viết trên các biên nhận tiền (BL 65, 66) mà chỉ yêu cầu giám định chữ ký, dấu vân tay của anh T. Đồng thời, cấp sơ thẩm đã nhiều lần yêu cầu cung cấp chứng cứ (BL77, 109, 114, 115) nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn không thực hiện thủ tục giám định và vắng mặt không lý do. Trong giai đoạn phúc thẩm, Tòa án đã yêu cầu cung cấp chứng cứ, kể cả hoãn phiên tòa, nhưng đã quá thời hạn theo yêu cầu cung cấp chứng cứ lần thứ hai, ngày 17 tháng 7 năm 2024, bị đơn vẫn không thực hiện thủ tục giám định và cũng không bổ sung tài liệu chứng cứ chứng minh yêu cầu kháng cáo là có cơ sở theo quy định tại Điều 287 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án làm cơ sở giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố

tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn; buộc nguyên đơn có trách nhiệm trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; án phí dân sự sơ thẩm; quyền và nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, không bị kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do không được chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 23/2024/DS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, Điều 92, Điều 147, Điều 217, 218, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; Áp dụng các Điều 122, 131, 317, 319, 463, 466, 468, 562 Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ Điều 4, Điều 5 Nghị định 102/2017/NĐ-CP, ngày 01/9/2017 về đăng ký biện pháp bảo đảm; Căn cứ Điều 26, Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh L.

Buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thanh L số tiền vay là 416.853.000 đồng (bốn trăm mười sáu triệu tám trăm năm mươi ba nghìn đồng) (tiền gốc 350.000.000 đồng, tiền lãi 66.853.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về vô hiệu hợp đồng ủy quyền; đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn; buộc nguyên đơn có trách nhiệm trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; án phí dân sự sơ thẩm; quyền và nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, không bị kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001019 ngày 08/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ; anh T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- Chánh án;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện Long Hồ;
- VKSND huyện Long Hồ;
- CCTHADS huyện Long Hồ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Lâm Triệu Hữu